

UNIT 3: A TRIP TO THE COUNTRYSIDE

* NEW WORDS

I. GETTING STARTED - LISTEN AND READ

1. Harvest (v) : gặt hái , thu hoạch (mùa màng)

→ Harvest (n) : việc gặt hái , thu hoạch (mùa màng)

2. join in (v) : tham gia

= take part in (v)

= participate in (v)

3. A day trip (n) : 1 chuyến đi trong ngày

→ A **two - day** trip (n) : 1 chuyến đi 2 ngày

a/an/2/3/4 .. **số - danh từ (ít)** N

adj

→ Our school has two **20 – minute** breaks.

→ He read a **100 - page** book.

4. Lie (v) - lay - lain : nằm

5. Mountain (n) : núi

→ Mountaineer (n) : người leo núi

→ Mountaineering (n) : môn leo núi, sự leo núi

→ Mountainous (a) : có núi

6. Rest (v) : nghỉ ngơi

→ Rest (n) : sự nghỉ ngơi

→ Restful (a) : yên tĩnh , thư thái

→ have / take a rest : nghỉ ngơi, thư giãn

7. **On** the weekend : vào cuối tuần

= **at** weekends

8. a hard working week : 1 tuần làm việc vất vả

9. **by** a river : bên cạnh dòng sông

10. Journey (n) : chuyến đi

11. Chance (n) : cơ hội

→ have a chance to do sth :

12. bamboo forest (n) : rừng tre

13. banyan tree (n) : cây đa

14. Enter (v) : bước vào

→ Entrance (n) : lối vào

→ **at** the entrance **to** the village : lối vào làng

15. Snack (n) : bữa ăn nhẹ

16. Shrine (n) : miếu thờ

17. Hero (n) : anh hùng

→ Heroine (n) : nữ anh hùng

→ Heroic (a) : quả cảm , anh hùng

→ Heroically (adv) : 1 cách dũng cảm

18. **In** the river : trên sông

19. **On** the river bank: trên bờ sông

20. Show sth **to** sb : đưa cái gì cho ai

21. Reply (v) : trả lời , đáp lại

→ Reply (n) : sự trả lời , lời đáp

PRACTICE EXERCISES

Choose the word whose underlined part pronounced differently from that of the others

- | | | | |
|--------------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| 1. A. v <u>i</u> llage | B. sh <u>r</u> ine | C. r <u>i</u> ver | D. p <u>i</u> cnic |
| 2. A. t <u>i</u> red | B. en <u>j</u> oyed | C. re <u>a</u> ched | D. ar <u>r</u> ived |
| 3. A. mark <u>e</u> t <u>s</u> | B. plac <u>e</u> s | C. watc <u>h</u> e <u>s</u> | D. provinc <u>e</u> s |
| 4. A. trip <u>s</u> | B. riv <u>e</u> r <u>s</u> | C. tre <u>e</u> s | D. day <u>s</u> |
| 5. A. divid <u>e</u> d | B. arriv <u>e</u> d | C. seem <u>e</u> d | D. pray <u>e</u> d |

Choose the word whose main stress pattern is not the same as that of the others

- | | | | |
|----------------|--------------|---------------|------------|
| 1. A. banyan | B. entrance | C. hero | D. heroic |
| 2. A. picnic | B. enjoyment | C. paddy | D. journey |
| 3. A. mountain | B. village | C. bamboo | D. forest |
| 4. A. exchange | B. secondary | C. primary | D. country |
| 5. A. arrival | B. enjoyable | C. Vietnamese | D. abroad |

Choose the word or phrase that best fits the blank space in the following passage

Camping is an activity in which people live temporarily in the outdoors. Campers _____(1) in fishing, hunting, swimming, and wildlife watching. It provides physical benefits when it involves hiking around a campsite, and many people believe that camping _____ (2) youngsters feel more confident.

People throughout the world enjoy hiking to wilderness campsites. This activity is called backpacking _____ (3) it involves carrying such essential camping gear as the tent, food, clothing, and sleeping bag on the back in a bag _____(4) a backpack. Backpacking is best suited for _____ (5) who are in good physical conditions as it may require walking several miles.

The key to any enjoyable camping trip is planning. A decision _____ (6) where to camp depends on personal preference, but planning the trip before leaving helps campers avoid preventable accidents.

- | | | | |
|-------------------|------------|------------|-------------|
| 1. A. participate | B. take | C. enter | D. get |
| 2. A. enables | B. allows | C. makes | D. causes |
| 3. A. although | B. because | C. so | D. but |
| 4. A. mentioned | B. told | C. known | D. called |
| 5. A. anyone | B. those | C. someone | D. everyone |
| 6. A. for | B. with | C. on | D. in |

KEYS

Choose the word whose underlined part pronounced differently from that of the others

- | | | | |
|----------------------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------------|
| 6. A. v <u>ill</u> age | B. sh <u>ri</u> ne | C. r <u>i</u> ver | D. p <u>i</u> cnic |
| 7. A. t <u>ir</u> ed | B. en <u>joy</u> ed | C. r <u>ea</u> ched | D. arr <u>i</u> ved |
| 8. A. m <u>a</u> rket <u>s</u> | B. pl <u>a</u> ce <u>s</u> | C. wat <u>ch</u> es | D. pr <u>ov</u> ince <u>s</u> |
| 9. A. t <u>r</u> ips | B. r <u>i</u> vers | C. t <u>r</u> ees | D. d <u>a</u> ys |
| 10. A. d <u>i</u> vid <u>e</u> d | B. arr <u>i</u> ved | C. se <u>em</u> ed | D. pr <u>a</u> yed |

Choose the word whose main stress pattern is not the same as that of the others

- | | | | |
|----------------|--------------|---------------|------------|
| 6. A. banyan | B. entrance | C. hero | D. heroic |
| 7. A. picnic | B. enjoyment | C. paddy | D. journey |
| 8. A. mountain | B. village | C. bamboo | D. forest |
| 9. A. exchange | B. secondary | C. primary | D. country |
| 10. A. arrival | B. enjoyable | C. Vietnamese | D. abroad |

Choose the word or phrase that best fits the blank space in the following passage

- | | | | |
|-------------------|------------|------------|-------------|
| 1. A. participate | B. take | C. enter | D. get |
| 7. A. enables | B. allows | C. makes | D. causes |
| 8. A. although | B. because | C. so | D. but |
| 9. A. mentioned | B. told | C. known | D. called |
| 10. A. anyone | B. those | C. someone | D. everyone |
| 11. A. for | B. with | C. on | D. in |